

**T**hị trường đã nổi lên hai cơn sốt giá: giấy và xi măng. Đây là hiện tượng còn diễn ra từ khi VN chuyển đổi sang cơ chế thị trường. Một lần nữa, hai cơn sốt này đã chứng tỏ cho thấy "bàn tay vô hình" của cơ chế thị trường đang "nắn gân" thử sức "bàn tay hữu hình" của nhà nước trong việc điều hành kinh tế vĩ mô.

**Cơn sốt giấy nói lên điều gì?**

Trong vài năm gần đây, nhu cầu giấy các loại trên cả nước vào khoảng 150.000 tấn. Con số này sẽ còn tiếp tục tăng trong vài năm tới theo đà gia

hàng năm khoảng 50.000 tấn giấy thành phẩm. Cơn sốt giá thường phát sinh từ nguồn này vì sản xuất trong nước tương đối ổn định nhưng việc nhập khẩu giấy không phải luôn luôn khớp theo số cầu từng thời điểm. Ngay cả trên thị trường thế giới, giá giấy cũng có những biến động thường kỳ. VN còn phải nhập khẩu giấy thì còn chịu sự ảnh hưởng của các đợt biến động đó.

Như hiện nay, giá bột giấy của Nga từ 815 USD/tấn lên 865 USD/tấn, của Indonesia từ 930 USD/tấn lên 970 USD/tấn. Giấy

đó, tồn kho một số lượng giấy cần thiết để điều tiết cung - cầu lại là việc của nhà nước - của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) với tư cách là người chủ đạo trên thị trường - không phải nhằm vào số lời lỗ như doanh nhân khác mà phải nhằm vào lợi ích toàn xã hội: ổn định thị trường. Trên thực tế hiện nay, người nhập khẩu giấy thực sự là tư nhân nhờ DNNN nhập ủy thác cho họ, trên thị trường có sự khan hiếm - dù giả tạo - cũng là chuyện dễ hiểu.

Chính vì thế, khi chính phủ tăng thuế nhập khẩu giấy thành phẩm lên 20%, giới tư nhân nhập khẩu giấy đã đáp ứng đúng theo ý muốn của nhà nước: hạn chế nhập khẩu giấy - và thậm chí còn hơn nữa ngưng nhập khẩu giấy, vì xét thấy mức thuế quá cao sẽ không có lời so giá thị trường trong nước (trước khi khan hiếm). Tuy nhiên, cung - cầu giấy không chỉ về số lượng mà cả chất lượng. Một chính sách bảo hộ sản xuất giấy qua thuế có thể làm quyết định ngay lập tức nhưng năng lực sản xuất giấy trong nước thì không thể đáp ứng cho nhu cầu - cả số lượng và chất lượng - trong một vài tháng theo sau quyết định đó. Vì vậy, trong khi chờ đợi bài toán đầu tư trong nước cho ngành giấy có đáp số và được triển khai - mất vài năm tới, nếu làm ngay từ bây giờ - thì thị trường phải chịu cơn sốt giá, buộc người tiêu dùng giấy phải chấp nhận trả giá mua giấy cao hơn (chứa đựng 20% thuế). Lúc đó, các nhà nhập khẩu giấy sẽ hoạt động trở lại và giá trị thị trường sẽ ổn định trở lại ở mức giá cao hơn. Nguy cơ tái lạm phát trong nền kinh tế lại có thêm một tác nhân thúc đẩy!

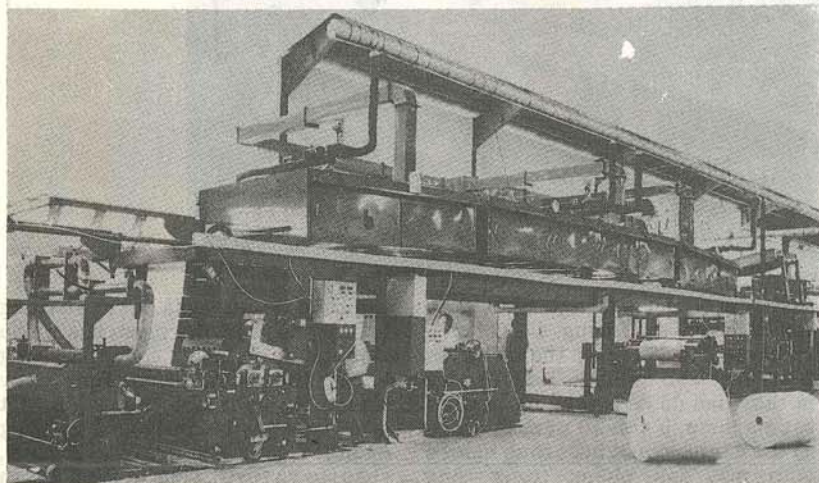
Điểm lại nguồn sản xuất giấy trong nước, đầu tư lớn nhất vừa qua là Nhà máy giấy Bãi Bằng đã nâng khả năng của nguồn này khoảng 100.000 tấn/năm nhưng vẫn còn bấp bênh do bị lệ thuộc vào nguồn nhập khẩu nguyên liệu bột giấy - khoảng 30% số cầu nguyên liệu. Bài toán đầu tư tự cung cấp tiến tới xuất khẩu giấy vẫn chưa giải xong, mặc dù VN có lợi thế trồng rừng cây nguyên liệu giấy.

Một điều nghịch lý là VN vừa xuất khẩu gỗ nguyên liệu giấy, vừa nhập khẩu bột giấy. Ngay từ sau ngày thống nhất đất nước, chúng ta đã phát động trồng cây bạch đàn ở mọi nơi có thể trồng được. Nhưng ta lại thiếu đầu tư mở rộng công suất chế biến bột giấy từ cây nguyên liệu này. Ngay cả việc chặt mảnh gỗ bạch đàn xuất khẩu cũng phải chờ các đối tác nước ngoài đến "mời" chúng ta liên doanh. Đã có ý kiến đề nghị cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu giấy. Nhưng nếu cấm, ngành giấy không thể tự cung cấp bột giấy, đồng thời giá gỗ hạ xuống, không khuyến khích người

# SỐT GIẤY VÀ SỐT XI MĂNG

## THỊ TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

TRẦN TÔ TỬ



tăng dân số và theo nhịp độ gia tăng mức tiêu dùng giấy bình quân đầu người vì VN đang ở mức quá thấp (1,8 kg/người so với 24 kg/người tại các nước đã phát triển).

Nguồn cung để đáp ứng số cầu này từ hai phía: sản xuất trong nước đảm nhận 70% - nhập khẩu 30%. Cả hai nguồn cung này đều tồn tại nhiều vấn đề mà từ lâu vẫn chưa được giải quyết rốt ráo cho nên vẫn thỉnh thoảng tái diễn hiện tượng khủng hoảng thừa và thiếu đi liền nhau.

Trước hết, nguồn nhập khẩu giấy

thành phẩm lại càng tăng mạnh hơn. Giấy làm tập học sinh tăng từ 650 USD/tấn lên 1.150 USD/tấn. Giấy làm bao bì cũng tăng từ 600 USD/tấn lên 900 USD/tấn. Nhìn chung, giấy các loại tăng bình quân từ 50% đến 70%. Thêm vào đó, việc nhập khẩu lại chịu sự chi phối bởi nhiều nhân tố khác. Số lượng cần nhập khẩu hàng năm đều có trong kế hoạch. Việc cấp quota có thể thực hiện từ đầu năm, nhưng nhà nhập khẩu còn phải tính toán xem nhập lúc nào có lời vì khả năng dự trữ có giới hạn. Trong khi

**10 PHÁT TRIỂN KINH TẾ**



trồng rừng mở rộng diện tích phủ xanh đồi trọc. Khi đó, dù có đầu tư thêm nhà máy chế biến bột giấy thì cũng gặp vấn đề khác: thiếu cây nguyên liệu giấy.

Hiện nay, hầu hết những đơn vị sản xuất giấy trong nước đều là DNNN. Họ cũng như các công ty liên doanh xuất khẩu gỗ nguyên liệu giấy, tất cả đều áp dụng phương thức thu mua gỗ qua thương lái. Do đó, dù giá giấy, giá thu mua gỗ nguyên liệu giấy có tăng cao nhưng người trồng rừng vẫn không được lợi vì thương lái đã hưởng vài chục ngàn đồng/tấn trong giá thu mua do nhà máy đưa ra.

Mặc khác, nguồn sản xuất giấy trong nước đôi khi bị dư thừa không chỉ vì giá bán cao (do chứa đựng những chi phí thu mua bất hợp lý nêu trên) mà chủ yếu còn vì chất lượng giấy quá kém khiến cho người tiêu dùng quay lưng với sản phẩm của các nhà máy. Đến nay ngành in đã đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị khá nhanh hơn so với ngành giấy. Các sản phẩm in ngày càng thỏa mãn yêu cầu khách hàng nên không thể chấp nhận in trên giấy được sản xuất từ những công nghệ già cỗi của thập niên 60 - 70.

Tóm lại, nguồn cung từ trong nước nếu vẫn chưa được đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ, nâng cao sản lượng - chất lượng thì những cơn sốt giá giấy vẫn còn tiếp diễn. Mỗi năm nhà nước vẫn phải dành ra khoảng 50 triệu USD nhập giấy cộng thêm hàng trăm tỉ đồng bù lỗ cho ngành giấy. Đó là những cái giá phải trả cho việc thiếu quan tâm đầu tư lâu dài, nặng khai thác tài nguyên sẵn có và nhập khẩu mua bán để sinh lời nhanh theo kiểu "mì ăn liền".

#### Cơn sốt xi măng bộc lộ điều gì?

Căn cứ theo những giải thích từ Tổng công ty xi măng về nguyên nhân đợt biến động giá lần này, công chúng dễ nhầm lẫn tưởng rằng cơn sốt xi măng này không có gì lạ cả và sẽ còn sốt triển miên vì "từ nay đến năm 1998, lúc nào thị trường xi măng cũng khan hiếm" (\*).

Có lẽ đúng thế, cho đến nay khó có cơ quan nào dự báo chính xác nhu cầu xi măng hàng năm. Tổng nguồn cung cấp năm 1994 - kể cả nhập khẩu là 5,76 triệu tấn nhưng nhu cầu lên đến 6,5 triệu tấn. Sang năm 1995, nhu cầu xi măng có thể lên đến 7,5 triệu tấn, nguồn cung sản xuất trong nước chỉ đáp ứng khoảng 5 triệu tấn, nhập khẩu 1 triệu tấn, vẫn còn thiếu hụt gần 2 triệu tấn. Phải chăng vì lý do này cho nên nhà nước vẫn duy trì cơ chế cũ đối với mặt hàng xi măng: sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, bán theo giá chỉ đạo và phân phối theo địa chỉ định sẵn?



Nhìn lại những cơn sốt giá trước đây (trong thập niên 80) khi hầu hết các mặt hàng đều được kế hoạch hóa tập trung từ sản xuất đến tiêu thụ, cứ mỗi lần nhà nước điều chỉnh giá bán buôn công nghiệp, các thương nhân bên ngoài DNNN "đánh hơi" được đều tiến hành một cuộc đầu cơ tạm thời - găm giữ hàng, chờ bán giá cao hơn.

Lần này theo phỏng vấn Tổng giám đốc Tổng công ty xi măng (\*), việc điều chỉnh giá xi măng tăng gần 12% của Ủy ban vật giá nhà nước (ngày 24.4.1995) "có thể do giá đầu vào tất cả các loại vật liệu làm xi măng đều tăng giá". Như vậy, việc điều chỉnh giá xi măng của nhà nước đã có kế hoạch hay một đối sách đưa sát giá thị trường để tránh tiêu cực (phản ứng sau khi giá thị trường tăng)? Liên hệ các lần điều chỉnh giá bán buôn công nghiệp, chúng ta có thể đặt giả thiết: một nguồn tin sắp tăng giá xi măng của nhà nước đã được tiết lộ, cho nên giới đầu nậu xi măng đã găm giữ hàng chờ giá mới. Từ đó đã bùng nổ một cơn sốt giá diễn ra ngoài dự kiến của các nhà điều hành kinh tế vĩ mô. Nếu có một cuộc điều tra tồn kho xi măng tại các đơn vị kinh tế có thể sẽ xác định được giả thiết này đúng hay sai. Thực tế những ngày gần đây cho thấy rõ với một khối lượng xi măng nhập khẩu và điều động từ địa phương khác về thành phố tuy chưa lớn nhưng đã buộc những người đầu cơ phải "ói" xi măng ra, đẩy giá hạ rất nhanh từ 105.000đ/bao xuống còn 75.000đ đến 80.000đ/bao.

Cuộc điều tra tồn kho này lẽ ra nhà nước phải tiến hành - ít nhất đối với các DNNN - và buộc phải bán ra để ổn định thị trường. Đây là một biện pháp hành chính cần thiết khi có những cơn sốt giá thị trường - vất vả hơn nhưng hữu hiệu hơn biện pháp

ấn định giá bán mà không ai chịu bán.

#### Vai trò quản lý nhà nước phải làm gì?

Thực trạng những cơn sốt nêu trên cho thấy tuy nhà nước có đầy đủ trong tay các công cụ điều hành kinh tế vĩ mô nhưng vẫn còn thiếu "kịch bản" và "đạo diễn". Do đó, những công cụ này được vận hành một cách rời rạc, độc lập theo các chức năng được phân công theo kiểu "mạnh ai nấy làm"; thậm chí còn bị sự chi phối của những tính toán vì lợi ích cục bộ, cá nhân - kể cả tiêu cực có hệ thống.

Giải pháp cơ bản lâu dài mang tính chiến lược vẫn là bài toán quy hoạch ngành kinh tế kỹ thuật, định hướng phát triển đầu tư tạo nguồn sản lượng trong nước đủ đáp ứng nhu cầu. Đồng thời, việc nhập khẩu những mặt hàng chiến lược vẫn cần được điều hành gắn bó với các nguồn cung trong nước.

Các công cụ: kế hoạch hóa, quota XNK, thuế, DNNN, tín dụng, vốn đầu tư, quỹ dự trữ, thông tin dự báo, hành chính... cần được phối hợp theo một "cầm nang" hành động nhất quán để khắc phục những "trục trặc" của cơ chế thị trường. Đặc biệt là trong trường hợp bùng nổ những cơn khủng hoảng thiếu - thừa, giá cả tăng giảm đột biến, những công cụ này cần được triển khai theo một chương trình "phản ứng nhanh", có trật tự trước sau và hỗ trợ liên hoàn. Mỗi cơn sốt đều có những nguyên nhân giống nhau và một số nguyên nhân cá biệt, đặc thù. Người điều hành kinh tế vĩ mô cần dự kiến và nhạy bén nắm bắt "bệnh trạng" của thị trường để có một "toa thuốc" đúng liều lượng. Trong một số tình huống, đôi khi nhà nước không cần phải tốn hao nhiều lực lượng mà vẫn có thể đối phó hữu hiệu các "cú sốc" của cơ chế thị trường.

Những cơn chấn động của kinh tế thị trường luôn mang lại nhiều hậu quả nặng nề cho nền kinh tế: tài nguyên bị lãng phí, thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc nhà sản xuất, giá cả biến động làm đảo lộn các dự án đầu tư, gia tăng lạm phát, thất nghiệp, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân. Chính vì thế người ta đòi hỏi nhà nước phải đóng một vai trò tích cực hơn, hữu hiệu hơn.

Các nước đã phát triển theo cơ chế thị trường có thể cung cấp cho chúng ta nhiều kinh nghiệm, nhiều giải pháp. Song, mọi giải pháp đưa vào áp dụng tại VN đều có thể bị vô hiệu hóa nếu chúng ta không khắc phục được ba vấn nạn lớn: nhân sự - tham nhũng - mất trật tự kỷ cương ■

(\*) Phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ ngày 6.5.1995